

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2018/DS – ST**

Ngày: 06 – 8 -2018

"V/v : Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: ông Lê Hồng Toàn

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2018/TLST - DS ngày 14 tháng 6 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2017/QĐST - DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: chị Trần Thu H; sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị H: anh Nguyễn Như Q, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2018).

- Bị đơn: bà Trần Thị Mỹ C; sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn A1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh L: anh Nguyễn Như Q, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 6 năm 2018 nguyên đơn chị Trần Thu H và trong quá trình xét xử và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thu H là anh Nguyễn Như Q trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2016, bà Trần Thị Mỹ C có mua cám chăn nuôi heo tại cửa hàng của chị H anh L, bà C còn nợ chị H anh L số tiền mua cám tính đến ngày 13/10/2016 hai bên chốt nợ là 133.602.000đ. Sau khi chốt nợ giữa chị H và bà C có thỏa thuận bằng lời nói là cho bà C thời hạn trả nợ dần hai hoặc ba tháng bà C phải trả cho chị H số tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ. Bà C đã thực hiện trả tiền cho chị H được 04 lần, cụ thể, ngày 05/01/2017, bà C trả được số tiền 10.000.000đ; Ngày 15/01/2017 bà C trả 5.000.000đ; Ngày 23/01/2017 bà C trả 5.000.000đ; Ngày 10/02/2017 bà C trả 5.000.000đ. Kể từ sau ngày 10/02/2017 đến nay thì bà C không thực hiện việc trả tiền cho chị H, phía chị H có yêu cầu bà C trả tiền nhưng bà C không trả. Tính đến nay bà C còn nợ chị H anh L số tiền 108.602.000đ.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C phải trả số tiền còn nợ là 108.602.000đ cho chị H anh L, yêu cầu bà C phải trả một lần số tiền này. Không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn bà Trần Thị Mỹ C trình bày: Bà có mua cám chăn nuôi heo tại cửa hàng chị H anh L từ năm 2012 đến năm 2016. Đến ngày 13/10/2016 thì hai bên chốt nợ, bà còn nợ chị H anh L số tiền 133.602.000đ. Sau khi chốt nợ giữa chị H và bà C có thỏa thuận bằng lời nói là cho bà C thời hạn trả nợ dần hai hoặc ba tháng bà C phải trả cho chị H số tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ, còn nợ lại 108.602.000đ. Do bà khó khăn về kinh tế nên chưa có tiền trả cho chị H. Hiện nay bà đồng ý trả số tiền này cho chị H anh L nhưng xin trả dần, ba tháng một lần bà trả 5.000.000đ. Vì bà gặp khó khăn về kinh tế, không có khả năng trả tiền một lần cho chị H anh L.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L – anh Nguyễn Như Q trình bày: Anh L thống nhất với toàn bộ ý kiến của chị H. Từ năm 2012 đến năm 2016, bà Trần Thị Mỹ C có mua cám chăn nuôi heo tại cửa hàng của vợ chồng anh L chị H. Đến nay bà C còn nợ số tiền 108.602.000đ. Nay anh L đồng ý với yêu cầu của chị H là yêu cầu bà C phải trả một lần số tiền 108.602.000đ cho anh L chị H. Không yêu cầu tính lãi suất.

-Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

-Tại phiên tòa các đương sự thống nhất được số tiền còn nợ nhưng không

thống nhất được thời gian trả nợ.

-Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị Mỹ C phải trả cho anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thu H số tiền 108.602.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị Trần Thu H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Mỹ C cư trú tại thôn A1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền đã mua hàng đến năm 2016 còn nợ tổng cộng là 108.602.000đ. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Mỹ C xác nhận có mua cám để chăn nuôi heo tại cửa hàng của chị H từ năm 2012 đến năm 2016. 13/10/2016 thì hai bên chốt nợ, bà còn nợ chị H anh L số tiền 133.602.000đ. Sau khi chốt nợ giữa chị H và bà C có thỏa thuận bằng lời nói là cho bà C thời hạn trả nợ dần hai hoặc ba tháng bà C phải trả cho chị H số tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ, còn nợ lại 108.602.000đ. Kể từ sau ngày 10/02/2017 đến nay bà C không trả thêm số tiền nào cho chị H. Như vậy, phía bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa bà C đồng ý trả số tiền 108.602.000đ cho chị H anh L nhưng bà không có tiền trả một lần mà bà xin trả dần làm nhiều đợt, phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị H cũng đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L không đồng ý cho bà C trả dần mà yêu cầu bà C phải trả ngay số tiền còn nợ. Xét thấy bị đơn đã thống nhất khoản nợ trên mà không có sự phản đối chỉ xin được trả dần còn phía nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý cho bị đơn trả dần. Căn cứ theo khoản 1 Điều 428 của Bộ luật dân sự 2005 quy định “bên mua có nghĩa vụ trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận...” Do bà C không trả tiền đúng theo thỏa thuận là đã là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn chị H yêu cầu bà C

phải trả số tiền còn nợ là có cơ sở nên cần chấp nhận. Cần buộc bà C phải trả số tiền 108.602.000đ cho anh L chị H.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là phù hợp đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Mỹ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 428 và Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thu H. Buộc bà Trần Thị Mỹ C phải trả cho chị Trần Thu H và anh Nguyễn Văn L số tiền còn nợ do mua bán tài sản là 108.602.000đ (một trăm lẻ tám triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).

[2] Về án phí: Buộc bà Trần Thị Mỹ C phải nộp 5.430.100đ. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho chị Trần Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.715.050đ theo Biên lai thu tiền số 0022114 ngày 14/6/2018.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Dương sự;
- L HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà